

Số: /QĐ-KKT

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của
Dự án "Khu tái định cư Vạn Thắng – giai đoạn 1"

TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ VÂN PHONG TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa;

Xét Văn bản số 2955/KKT-QLTNMT ngày 17 tháng 11 năm 2024 của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong về thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Khu tái định cư Vạn Thắng - giai đoạn 1"; Văn bản số 4997/UBND-BQL ngày 02 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Vạn Ninh về đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Khu tái định cư Vạn Thắng - giai đoạn 1" và báo cáo của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Khu tái định cư Vạn Thắng - giai đoạn 1";

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Khu tái định cư Vạn Thắng – giai đoạn 1" (sau đây gọi là Dự án) của UBND huyện Vạn Ninh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Vạn Thắng và xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND tỉnh Khánh Hòa;
- Đ/c Trưởng ban;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Vạn Ninh;
- UBND xã Vạn Khánh;
- UBND xã Vạn Thắng;
- Phòng QLQHXD, QLĐT (VBĐT);
- Lưu: VT, QLTNMT, NKT, 09.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Lê Hồng Phương

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN "KHU TÁI ĐỊNH CƯ VẠN THẮNG - GIAI ĐOẠN 1"

*(Kèm theo Quyết định số..... /QĐ-KKT ngày ... tháng ... năm 2024 của
Trưởng ban Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong)*

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Khu tái định cư Vạn Thắng - giai đoạn 1.
- Địa điểm thực hiện dự án: xã Vạn Thắng và xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.
- Chủ dự án đầu tư: UBND huyện Vạn Ninh.
- Địa chỉ liên hệ: 469 Hùng Vương, thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Giải phóng mặt bằng toàn bộ dự án với tổng diện tích: 998.813,98 m² (99,881 ha).
- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội giai đoạn 1 với diện tích: 701.380,44 m² (70,138 ha).
 - Tổng số lô tái định cư: 1.446 lô.
 - Dân số: 5.784 người.
- Phạm vi đánh giá tác động môi trường của Dự án được phê duyệt tại Quyết định này không bao gồm các hoạt động sau:
 - + Hoạt động đổ các loại chất thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng đến vị trí các bãi thải nằm ngoài khu vực dự án;
 - + Hoạt động khai thác nguyên vật liệu phục vụ thi công hạ tầng Khu tái định cư;
 - + Hạng mục xây dựng công trình nhà ở trong Khu tái định cư.

1.3. Các hạng mục công trình của dự án đầu tư:

1.3.1. Các hạng mục công trình chính:

- Hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật: san nền; hệ thống đường giao thông; hệ thống thu gom, thoát nước mưa; hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải; hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước, hệ thống công viên cây xanh, hệ thống thông tin liên lạc.
- Hạng mục hạ tầng xã hội: Trường mầm non; Trường tiểu học; Trường trung học cơ sở; Trạm y tế.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ:

- Hạng mục phụ trợ phục vụ cho hoạt động thi công:

+ Lán trại; bãi tập kết nguyên liệu; bãi tập kết đất hữu cơ; khu vực tập kết máy móc, thiết bị; kho lưu trữ chất thải nguy hại, bể lắng nước thải xây dựng và hồ lắng nước mưa.

+ Tám (08) nhà vệ sinh di động; 06 thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt 120 lít (tại vị trí gần khu vực lán trại của công nhân, nhà vệ sinh di động, cổng ra vào công trường; mỗi vị trí 02 thùng); 03 thùng chuyên dụng 200 lít chứa chất thải nguy hại.

+ Một (01) kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời, với diện tích khoảng 30 m² (sẽ tháo dỡ khi hoàn thành việc thi công).

- Hạng mục công trình phục vụ giai đoạn hoạt động:

+ Hệ thống xử lý nước thải.

1.4. Các hoạt động của Dự án:

1.4.1. Giai đoạn thi công:

- Thực hiện giải phóng mặt bằng toàn bộ dự án.

- Đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội giai đoạn 1.

1.4.2. Giai đoạn vận hành:

- Hoạt động sinh hoạt của người dân tại Khu tái định cư.

- Hoạt động của các công trình xã hội: Trường mầm non; Trường tiểu học; Trường trung học cơ sở; Trạm y tế.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

Stt	Các hạng mục công trình dự án đầu tư	Các hoạt động của dự án đầu tư	Các yếu tố có khả năng gây tác động đến môi trường
I	Giai đoạn thi công		
1	Giải phóng mặt bằng	- Hoạt động thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng.	Ảnh hưởng đến tâm lý, sinh hoạt và kinh tế của người dân.
2	- Phát quang, phá dỡ công trình - Hạng mục san nền	- Phá dỡ công trình nhà cửa. - Phát quang mặt bằng thi công, làm kho bãi, lán trại. - Vận chuyển xà bần, sinh khối phát quang. - Bóc đất hữu cơ, san nền khu vực dự án - Vận chuyển đất đắp, đất hữu cơ, xà bần đi đổ.	- Bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển, thi công. - Chất thải rắn, ồn, rung do hoạt động phát quang. - Nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của công nhân.
3	Xây dựng hệ thống đường giao thông	- Xây dựng hoàn thiện các hạng mục hạ tầng kỹ thuật: hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp thoát nước, xử	- Bụi, khí thải từ hoạt động xây dựng; từ các phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị thi
4	Xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước		

Stt	Các hạng mục công trình dự án đầu tư	Các hoạt động của dự án đầu tư	Các yếu tố có khả năng gây tác động đến môi trường
5	Xây dựng hệ thống cấp nước	lý nước thải, hệ thống điện, thông tin liên lạc,...	công,...
6	Thi công hệ thống cấp điện, điện chiếu sáng, thông tin liên lạc	- Xây dựng hoàn thiện các hạng mục công trình xã hội: Trường mầm non; Trường tiểu học; Trường trung học cơ sở; Trạm y tế.	- Nước thải từ quá trình vệ sinh xe, thiết bị ra vào công trường. - Chất thải rắn, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình xây dựng.
7	Thi công công viên cây xanh	- Sinh hoạt của công nhân tại công trường. - Vận hành các máy móc thiết bị thi công. - Vận chuyển nguyên vật liệu. - Tập kết nguyên vật liệu, máy móc thi công.	- Nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của công nhân. - Tai nạn lao động, sự cố ùn tắc tai nạn giao thông, an ninh trật tự, cảnh quan khu vực, nguy cơ ngập úng, cháy nổ,....
8	Thi công các công trình xã hội		
II	Giai đoạn hoạt động		
1	-	- Hoạt động của người dân tại Khu tái định cư. - Hoạt động của các công trình xã hội: Trường mầm non; Trường tiểu học; Trường trung học cơ sở; Trạm y tế.	- Nước thải sinh hoạt. - Chất thải rắn sinh hoạt. - Nước thải, chất thải rắn y tế.
2	Trạm xử lý nước thải	-	- Tiếng ồn. - Bùn thải.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nước thải:

3.1.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân khoảng 6 m³/ngày, thành phần chủ yếu gồm TSS, TDS, BOD₅, sunfua, amoni, nitrat, photphat, Coliform,...

- Nước thải xây dựng: nước thải phát sinh từ quá trình rửa xe khoảng 56,4m³/ngày, thành phần chủ yếu gồm TSS, dầu mỡ, các chất hữu cơ, coliforms,.....

3.1.1.2. Giai đoạn hoạt động:

- Tổng lượng nước thải sinh hoạt của nhà dân và các công trình xã hội

(các trường học, trạm y tế) là $915 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; thành phần chủ yếu gồm TSS, TDS, BOD, sunfua, amoni, nitrat, photphat, dầu mỡ động thực vật, coliforms và một số vi khuẩn gây bệnh...

3.1.2. Khí thải:

3.1.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động phát quang thực vật, phá dỡ công trình hiện có, san lấp mặt bằng, thi công các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, vận chuyển đất đắp, phế thải, hoạt động của máy móc, thiết bị thi công.

3.1.2.2. Giai đoạn hoạt động: bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động các phương tiện giao thông tại Dự án.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân, khối lượng khoảng 90 kg/ngày ; thành phần chủ yếu là túi nilon, vỏ chai, giấy vụn, thức ăn thừa,...

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình khoảng 6.109 tấn ; thành phần chủ yếu đá, sắt, thép thừa, bao bì phế thải,....

+ Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động phát quang thực vật khoảng $406,8 \text{ tấn}$; thành phần chủ yếu là gốc, rễ, cây, cỏ,....

+ Chất thải rắn phát sinh do hoạt động phá dỡ các công trình hiện trạng khoảng $7.248,9 \text{ tấn}$; thành phần chủ yếu là đất, đá, gạch vỡ, bê tông,....

+ Chất thải rắn phát sinh do hoạt động bóc lớp đất hữu cơ khoảng $102.316,9 \text{ m}^3$.

- Chất thải nguy hại gồm dầu mỡ thải khoảng 350 lít , giẻ lau dính dầu mỡ khoảng $24 - 48 \text{ kg}$, thùng sơn khoảng 184 kg .

3.2.2. Giai đoạn hoạt động:

- Chất thải rắn sinh hoạt của người dân và các công trình xã hội phát sinh khoảng $7.035,4 \text{ kg/ngày.đêm}$ (trong đó, phát sinh từ hoạt động của người dân khoảng $5.784 \text{ kg/ngày.đêm}$, phát sinh từ trường học 659 kg/ngày.đêm , phát sinh từ trạm y tế khoảng 14 kg/ngày.đêm , phát sinh từ khu vực công viên và các trục đường chính khoảng $578,4 \text{ kg/ngày.đêm}$). Thành phần chủ yếu là các loại bao bì, thức ăn dư thừa,....

- Chất thải rắn thông thường (được phép thu gom với mục đích tái chế) của trạm y tế khoảng $11,2 - 12,6 \text{ kg/ngày.đêm}$; chất thải y tế nguy hại của trạm y tế khoảng $1,4 - 1,8 \text{ kg/ngày.đêm}$.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của người dân và trường học khoảng $6,5 \text{ kg/ngày.đêm}$.

- Bùn thải từ hoạt động nạo vét hệ thống thoát nước mưa khoảng 20.477 kg/năm.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 75.245 kg/năm, chất thải nguy hại từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 10 - 15 kg/năm.

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

3.3.1. *Giai đoạn thi công xây dựng:* tiếng ồn, độ rung phát sinh chủ yếu từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của các thiết bị máy móc, hoạt động thi công các hạng mục công trình.

3.3.2. *Giai đoạn hoạt động:* tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ các phương tiện giao thông, hoạt động trạm xử lý nước thải và hoạt động sinh hoạt của người dân tại khu vực Dự án.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

4.1.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt: lắp đặt 08 nhà vệ sinh di động composite tại công trường; chất thải từ nhà vệ sinh di động sẽ thuê đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

- Nước thải xây dựng:

+ Thu gom về 02 bể lắng, mỗi bể lắng có thể tích 32,4 m³ với kích thước $L \times B \times H = 6m \times 4,5m \times 1,2m$ được chia làm 4 ngăn để lắng đất, cát và xử lý váng dầu (trong đó: ngăn 1 thu gom nước thải có kích thước $L \times B \times H = 1m \times 4,5m \times 1,2m$; ngăn 2 tách dầu mỡ có kích thước: $L \times B \times H = 0,5m \times 4,5m \times 1,2m$; ngăn 3 lắng cặn có kích thước: $L \times B \times H = 3m \times 4,5m \times 1,2m$; ngăn 4 chứa nước sau xử lý có kích thước: $L \times B \times H = 1,5m \times 4,5m \times 1,2m$); nước sau khi lắng được tái sử dụng cho hoạt động rửa xe, phun nước giảm bụi.

+ Quy trình xử lý: Nước thải từ hoạt động vệ sinh phương tiện vận chuyển, vệ sinh thiết bị thi công → bể gom → bể tách dầu → bể lắng cặn → bể chứa → tuần hoàn tái sử dụng.

+ Vữa, chất thải đọng lại trong bể lắng sẽ được nạo vét định kỳ và hợp đồng với đơn vị chức năng để xử lý. Váng dầu sau khi vớt được chứa trong thùng nhựa dung tích 200 lít được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

4.1.1.2. Giai đoạn hoạt động:

- Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân, các trường học sau khi được xử lý qua bể tự hoại hợp quy cách và nước thải từ trạm y tế sau khi qua hệ thống xử lý sơ bộ sẽ thoát vào các tuyến cống thoát nước thải D300-D400 xây dựng dọc theo các tuyến đường trong dự án và đưa về hệ thống xử lý nước thải của Khu tái định cư

– giai đoạn 1 (công suất 950 m³/ngày.đêm) để xử lý, cụ thể:

- Quy trình công nghệ xử lý nước thải sơ bộ từ trạm y tế (công suất 2m³/ngày.đêm): Nước thải → Hồ ga đầu vào → Bể điều hòa → Thiết bị hiếu khí – yếm khí kết hợp → Bể khử trùng → nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B, K=1,2), đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của Khu tái định cư – giai đoạn 1.

- Quy trình công nghệ xử lý nước thải của Khu tái định cư – giai đoạn 1 (công suất 950 m³/ngày.đêm): Nước thải → Bể gom và tách rác → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể MBBR → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột A, K=1) → thoát ra biển (khi hệ thống xử lý nước thải tập trung theo Quy hoạch phân khu 8 được đầu tư xây dựng, vận hành; Chủ dự án sẽ tiến hành đầu nối nước thải về hệ thống xử lý nước thải theo quy hoạch).

4.1.1.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình thi công đảm bảo đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn trong khu vực Dự án đảm bảo không làm ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt và hệ sinh thái xung quanh; Xây dựng, đầu nối, vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về điều kiện vệ sinh môi trường; Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình để giảm thiểu tình trạng ngập úng do việc thực hiện Dự án. Trong mọi trường hợp, Chủ dự án phải đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh.

- Xây dựng, vận hành hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải theo đúng quy định; Vị trí xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung phải bảo đảm khoảng cách đến khu vực sinh sống của người dân theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng. Nước thải sau xử lý phải đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột A, K=1) trước khi thoát ra môi trường. Tuyệt đối không được xả nước thải ra môi trường trong trường hợp hệ thống xử lý bị sự cố, nước thải xử lý không đạt quy chuẩn theo quy định.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

4.1.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Trước khi tiến hành thi công, lắp đặt các rào chắn tạm thời bằng tôn hoặc nhựa (cao 2 - 3m) tại khu vực giáp ranh với nhà dân, đình làng Ninh Lâm.

- Hoạt động thi công xây dựng theo lời cuốn chiếu, làm đến đâu dứt điểm đến đó.

- Không chất vật liệu quá tải trọng cho phép, dùng bạt che phủ thùng xe khi vận chuyển, thường xuyên thu dọn vật liệu rơi vãi tại các tuyến đường vận chuyển.

- Các phương tiện ra khỏi công trường phải được vệ sinh sạch sẽ.

- Đá dăm rải đường được làm ẩm theo đúng tiêu chuẩn.

- Thường xuyên phun nước tưới ẩm tại khu vực thi công, các vị trí gần nhà dân, đình làng Ninh Lâm và trên tuyến đường vận chuyển gần khu vực thi công vào ngày nắng, gió.

4.1.2.2. Giai đoạn hoạt động: đảm bảo việc bố trí cây xanh, và tỉ lệ diện tích trồng cây xanh theo đúng quy định pháp luật.

4.1.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh của Dự án, đảm bảo môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

4.2.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt: bố trí 06 thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt (tại vị trí gần khu vực lán trại của công nhân, nhà vệ sinh di động, cổng ra vào công trường; mỗi vị trí 02 thùng). Rác thải sinh hoạt được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Đối với các loại có thể tái sử dụng như vụn sắt, bao bì xi măng được thu gom, tái sử dụng hoặc bán cho cơ sở có chức năng tái chế.

+ Đất đá thải, gạch vỡ dư thừa, xà bần do phá dỡ công trình và đất đào hữu cơ dư thừa (sau khi tận dụng trồng cây) được vận chuyển đổ thải; vị trí đổ thải phải được sự chấp thuận của UBND tỉnh; tổ chức giám sát đơn vị thi công đảm bảo các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển, đổ thải.

+ Chất thải do phát quang: chuyển giao cho đơn vị có chức năng tái chế hoặc xử lý đúng quy định.

4.2.1.2. Giai đoạn hoạt động:

- Chất thải rắn sinh hoạt tại các hộ dân sau khi được phân loại và thu gom vào các túi đựng rác để trước nhà. Đến giờ quy định, công nhân môi trường đô thị sẽ thu gom, xử lý.

- Khu vực công cộng như khu vực công viên cây xanh, đường trục chính: bố trí các thùng rác có nắp kín; hợp đồng với đơn vị có chức năng cuối ngày hoặc định kỳ thu gom, xử lý theo quy định.

- Bùn thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải, từ các hố ga thoát nước mưa, nước thải được hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ trường học, trạm y tế: chủ các đơn vị tự hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn thông thường có khả năng tái chế phát sinh tại trạm y tế: thu gom về kho lưu chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển định kỳ theo quy định.

- Tuyên truyền cho người dân về ý thức bảo vệ môi trường, phân loại rác tại nguồn hiệu quả.

4.2.1.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của Dự án được thu gom, phân định, phân loại tại nguồn, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Tổ chức thu gom, vận chuyển, đổ thải phế thải, chất thải rắn xây dựng theo đúng quy định; trường hợp lượng đất đào trong phạm vi Dự án được xác định là vật liệu xây dựng, thực hiện thủ tục đăng ký, tận thu đối với lượng đất đá trên theo quy định pháp luật về khoáng sản.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

4.2.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

Bố trí 03 thùng chứa chất thải nguy hại (với dung tích khoảng 200 lít), một (01) kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời (với diện tích khoảng 30 m²) để lưu trữ chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý đúng quy định.

4.2.2.2. Giai đoạn hoạt động:

- Chất thải nguy hại phát sinh từ trạm y tế: chất thải y tế lây nhiễm được tập trung về kho trong trạm y tế, với diện tích 05 m²; chất thải nguy hại không lây nhiễm được tập trung về kho trong trạm y tế, với diện tích 05 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ trạm xử lý nước thải của Khu tái định cư: được tập trung về kho lưu giữ chất thải nguy hại, với diện tích 05 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý đúng quy định.

4.2.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Công tác quản lý chất thải nguy hại phải được thực hiện theo quy định của

Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 20/2021/TT-BYT và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

4.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Không vận chuyển vào các giờ cao điểm (06h30 đến 07h30, 11h00 đến 12h00, 16h30 đến 18h00) và không vận chuyển sau 22h00; có kế hoạch điều tiết hoạt động vận chuyển nhằm đảm bảo an toàn giao thông và hạn chế ảnh hưởng đến nhà dân dọc 02 bên tuyến đường.

- Không sử dụng các phương tiện quá cũ; định kỳ bảo dưỡng phương tiện, máy móc theo quy định.

- Không vận hành máy móc, thiết bị thi công vào buổi trưa (từ 11h30 đến 13h30) và vào ban đêm (từ 22h00 tối đến 06h00 sáng ngày hôm sau).

- Hạn chế sử dụng các máy móc, thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn liên tục trong nhiều giờ; hạn chế vận hành đồng thời nhiều máy móc, thiết bị gây ồn cùng một lúc.

- Vận hành máy móc, thiết bị đúng quy trình kỹ thuật và tắt những máy móc, thiết bị hoạt động gián đoạn không cần thiết.

4.3.2. Giai đoạn hoạt động: đảm bảo diện tích cây xanh theo đúng quy định.

4.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Trong quá trình thi công và vận hành dự án phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung đạt quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Giai đoạn xây dựng:

- Bãi chứa nguyên vật liệu và bãi chứa đất hữu cơ tạm phải được che chắn, bố trí tại vị trí phù hợp, tránh để xâm nhập vào hệ thống rãnh thoát nước gây ô nhiễm môi trường và ngập úng cục bộ.

- Phải đảm bảo phương án giảm thiểu hiệu quả, tránh gây ảnh hưởng đến môi trường do hoạt động của máy trộn bê tông.

- Sửa chữa, hoàn trả nguyên trạng các tuyến đường giao thông bị hư hỏng do hoạt động vận chuyển nguyên, vật liệu, đất đắp, xà bần phục vụ dự án.

- Tổ chức cấm biển báo tại nơi có nền địa chất yếu, dễ xảy ra sạt lở; giám sát các hiện tượng sạt lở đất; khi phát hiện dấu hiệu mất an toàn phải dừng ngay các hoạt động thi công, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm; báo cáo cơ quan chức năng để cùng phối hợp ứng phó sự cố.

- Định kỳ nạo vét, khơi thông hệ thống thu gom, thoát nước; tiến hành kiểm tra và cải tạo hệ thống thu gom, đặc biệt vào trước mùa mưa để tăng khả năng tiêu thoát nước khu vực.

4.4.2. Giai đoạn hoạt động:

4.4.2.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố của hệ thống xử lý nước thải:

+ Bố trí hệ thống điện dự phòng cho trạm xử lý nước thải; bố trí dự phòng các trang thiết bị động lực để bị hư hỏng để thay thế kịp thời khi hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố.

+ Vận hành hệ thống đúng quy trình, bố trí nhân viên giám sát hệ thống nhằm đảm bảo hệ thống xử lý luôn trong trạng thái hoạt động ổn định.

+ Khi hệ thống xử lý nước thải có sự cố nhanh chóng tìm ra nguyên nhân, khắc phục sự cố kịp thời. Tiến hành khắc phục sự cố theo quy trình khắc phục sự cố đã ban hành trong hướng dẫn vận hành hệ thống xử lý nước thải. Tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của hướng dẫn vận hành hệ thống xử lý nước thải.

+ Xây dựng bể chứa ứng phó sự cố đủ lưu chứa nước thải trong thời gian 02 ngày khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố; lắp đặt hệ thống bơm để tuần hoàn nước thải về hệ thống xử lý nước thải; thiết kế các van chặn tại các bể xử lý thành phần để tăng thể tích lưu chứa nước thải trong trường hợp hệ thống xảy ra sự cố; trường hợp thời gian sửa chữa kéo dài, hệ thống xử lý nước thải không đảm bảo cho việc lưu chứa nước thải trong quá trình khắc phục sự cố, khẩn trương liên hệ với đơn vị có chức năng để xử lý lượng nước thải. Trong mọi trường hợp, Chủ dự án không được xả nước thải chưa xử lý đạt quy chuẩn trước khi ra môi trường.

4.4.2.2. Phương án phòng cháy, chữa cháy: bố trí các trụ chữa cháy theo đúng quy định; niêm yết nội quy phòng chống cháy nổ tại các vị trí thích hợp.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

Chủ dự án đề xuất, cam kết thực hiện chương trình giám sát môi trường như sau:

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

5.1.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh:

- Số lượng mẫu: 03 mẫu.

- Vị trí giám sát:

+ 01 vị trí tại khu dân cư thôn Lâm Điền, xã Vạn Khánh (phía Đông Bắc dự án).

+ 01 vị trí giáp với đình làng Ninh Lâm.

+ 01 vị trí tại khu dân cư thôn Tân Dân 1, xã Vạn Thắng (phía Tây Nam dự án) .

- Các chỉ tiêu giám sát: tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng (TSP), SO₂, NO_x, CO, HC.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí.

+ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

5.1.2. Giám sát chất lượng nước biển ven bờ:

- Số lượng mẫu: 02 mẫu.

- Vị trí giám sát:

+ 01 vị trí nước biển ven bờ phía Đông Bắc (vị trí tiếp nhận nước mưa chảy tràn sau khi qua hồ lắng nước mưa, thuộc xã Vạn Khánh).

+ 01 vị trí nước biển ven bờ phía Đông Nam (vị trí tiếp nhận nước mưa chảy tràn sau khi qua hồ lắng nước mưa, thuộc xã Vạn Thắng).

- Các chỉ tiêu giám sát: pH, DO, BOD₅, TSS, Amoni, Photphat, dầu mỡ khoáng, Coliforms.

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần (thực hiện sau khi thời tiết có mưa).

- Thiết bị thu mẫu và phương pháp phân tích: Phương pháp tiêu chuẩn.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 10:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển ven bờ (vùng biển ven bờ).

5.1.3. Chương trình quản lý, giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân loại, thu gom các loại chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm:

Thực hiện việc giám sát chất thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

5.3. Giai đoạn hoạt động:

5.3.1. Chương trình giám sát của hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Vị trí giám sát: nước thải sau hệ thống xử lý trước khi xả ra môi trường.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Thông số giám sát: các thông số theo QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột A, K=1).

5.3.2. Chương trình quản lý, giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, chuyên giao các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 20/2021/TT-BYT và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Định kỳ chuyên giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

6. Yêu cầu Chủ dự án thực hiện các nội dung khác như sau:

- Đảm bảo sự phù hợp của Dự án với các quy hoạch có liên quan; chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính pháp lý đối với các thông tin, số liệu nêu tại báo cáo đánh giá tác động môi trường (*bao gồm cả thông tin về quy mô, diện tích, hiện trạng các loại đất, ...*).

- Đảm bảo kinh phí cho các hoạt động thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và giám sát môi trường theo đúng quy định.

- Chỉ được phép triển khai Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và các quy định pháp luật khác có liên quan; tích cực phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện các vấn đề về an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, quản lý công nhân tham gia thi công nhằm giữ gìn tốt an ninh trật tự tại khu vực.

- Có phương án trình UBND tỉnh thống nhất vị trí đổ thải phế thải xây dựng theo đúng quy định; chỉ được phép đổ thải theo đúng vị trí được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận; đồng thời, phải có biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển đối với lượng chất thải trên.

- Tuân thủ quy định pháp luật về đảm bảo an toàn giao thông và nhu cầu đi lại của người dân trong quá trình thi công.

- Áp dụng các biện pháp tổ chức thi công phù hợp; đảm bảo không gây ảnh hưởng tiêu cực tới việc sản xuất nông nghiệp khu vực xung quanh; tổ chức giám sát thường xuyên hiện tượng sạt lở, sụt lún, ngập lụt có khả năng bị tác động do hoạt động của dự án.

- Trong quá trình thực hiện, nếu xảy ra các sự cố, phải dừng ngay các hoạt động thi công, tổ chức ứng phó khắc phục sự cố kịp thời, khẩn trương thông báo cho Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong, Sở Tài nguyên và Môi trường, và các cơ quan có chức năng liên quan để phối hợp xử lý; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo đúng quy định pháp luật.

- Điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;

thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Khu tái định cư phải rà soát, đảm bảo sự phù hợp và đồng bộ với nội dung được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi nội dung so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 2 Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tổ chức công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường./.